

Số: /BC-UBND

Bảo Cường, ngày tháng 3 năm 2024

## BÁO CÁO

### Kết quả tự kiểm tra công tác cải cách hành chính quý I; công tác tiếp công dân, phân loại, xử lý đơn thư quý I, năm 2024

Kính gửi: Tổ Kiểm tra CCHC theo Quyết định số 55/QĐ-UBND

Thực hiện Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 16/02/2024 của UBND xã về tự kiểm tra công tác cải cách hành chính xã Bảo Cường năm 2024; Thông báo số 39/TB-TKT ngày 18/3/2024 của Tổ kiểm tra CCHC về thông báo lịch kiểm tra CCHC xã Bảo Cường năm 2024, UBND xã báo cáo kết quả tự kiểm tra công tác cải cách hành chính quý I, công tác tiếp công dân, phân loại, xử lý đơn quý I năm 2024 như sau:

#### I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC, TIẾP CÔNG DÂN

- Văn bản của Đảng: Nghị quyết số 121/NQ-ĐU ngày 03/01/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác CCHC xã Bảo Cường năm 2024.

- Văn bản của UBND xã: Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 04/01/2024 về tiếp công dân, phân loại, xử lý đơn thư năm 2024; Kế hoạch số 09/KH-UBND, ngày 12/01/2024 về cải cách hành chính xã Bảo Cường năm 2024;

Quý I năm 2024, UBND xã ban hành các văn bản chuyên ngành hỗ trợ chỉ đạo, điều hành về công tác CCHC, công tác TCD như sau như sau:<sup>1</sup>

- Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra: Ngày 16/02/2024, UBND xã ban hành Kế hoạch số 33/KH-UBND về tự kiểm tra cải cách hành chính xã Bảo Cường năm 2024. UBND xã đã ban hành Quyết định thành lập Tổ kiểm tra, tổ kiểm tra đã ban

<sup>1</sup> Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 04/01/2024 về tiếp công dân, phân loại, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh của công dân năm 2024; Kế hoạch số 03/KH-UBND về kiểm soát thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử xã Bảo Cường, năm 2024; Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 12/01/2024 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn xã Bảo Cường năm 2024; Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 12/01/2024 về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước xã Bảo Cường năm 2024; Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 12/01/2024 về tuyên truyền Cải cách hành chính xã Bảo Cường năm 2024; Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 18/01/2024 về tổ chức thực hiện phong trào thi đua yêu nước và công tác khen thưởng xã Bảo Cường năm 2024; Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 22/01/2024 về truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử năm 2024; Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 29/01/2024 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính xã Bảo Cường năm 2024; Kế hoạch số 25/KH-BCĐ về duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2024; Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 02/02/2024 về chuyển đổi số xã Bảo Cường năm 2024; Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 16/02/2024 về tự kiểm tra cải cách hành chính xã Bảo Cường năm 2024...

hành Thông báo lịch kiểm tra, và sẽ tổ chức tự kiểm tra CCHC vào ngày 27/3/2024.

- Đối với công tác tuyên truyền CCHC, UBND xã ban hành Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 12/01/2024 về tuyên truyền cải cách hành chính năm 2024; Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 29/01/2024 về truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử năm 2024. Đến nay, UBND xã thực hiện treo băng zôn, khẩu hiệu tuyên truyền cải cách hành chính.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC**

### **1. Cải cách thể chế**

Xây dựng và tham mưu ban hành văn bản QPPL: Thực hiện nghiêm quy trình xây dựng và ban hành văn bản theo quy định. Trong kỳ báo cáo, không có văn bản quy phạm pháp luật được ban hành tại cơ quan xã.

Rà soát văn bản QPPL: UBND xã giao cho Công chức Tư pháp tham mưu xây dựng kế hoạch rà soát văn bản QPPL do HĐND và UBND xã ban hành. Quý I năm 2024, ngày 08/3/2024, UBND xã ban hành Kế hoạch số 46/KH-UBND về kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2024.

Về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn xã. UBND xã ban hành Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 12/01/2024 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn xã Bảo Cường năm 2024.

Về tuyên truyền, phổ biến, GDPL: Ngày 12/01/2024, UBND xã ban hành Kế hoạch số 07/KH-UBND về công tác tư pháp năm 2024. Nội dung nhiệm vụ trọng tâm có phần công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở năm 2024. Về tuyên truyền nội dung này, UBND xã sẽ chỉ đạo chuyên môn ban hành kế hoạch thực hiện riêng, thời gian cụ thể sẽ có kế hoạch thực hiện sau.

### **2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)**

Công tác kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC được thực hiện nghiêm túc. Các thông tin về TTHC được công khai đầy đủ, kịp thời tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và trên Trang thông tin điện tử của xã, nhờ đó, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong việc tra cứu, khai thác thông tin và thực hiện TTHC. Cán bộ, công chức chấp hành tốt nội quy, quy chế làm việc của cơ quan, quy định của Nhà nước và thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao.

Quý I năm 2024, UBND xã tập trung ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, tập trung những nhiệm vụ trọng tâm của năm, cụ thể như: Kế hoạch số 03/KH-UBND về kiểm soát thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một

cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử xã Bảo Cường, năm 2024; Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 12/01/2024 về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước xã Bảo Cường năm 2024; Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 22/01/2024 về truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử năm 2024; Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 29/01/2024 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính xã Bảo Cường năm 2024; bộ phận chuyên môn tham mưu triển khai thực hiện nghiêm túc, đúng quy định các nhiệm vụ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông được quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Thông tư số 01/2018/TT-VPCP và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND xã đã thực hiện nghiêm túc việc công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định. Niêm yết Bảng danh mục TTHC tại Bộ phận và trên Trang thông tin điện tử của xã. Ban hành các thông báo công khai thủ tục hành chính, mới nhất là Thông báo số 17/TB-UBND ngày 01/02/2024 về thủ tục hành chính thực hiện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã Bảo Cường. Tại thời điểm báo cáo, UBND xã niêm yết công khai 143 TTHC, trong đó 116 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã, 27 TTHC công bố thuộc ngành dọc Công an, Quân sự được giải quyết tại bộ phận một cửa của xã.

Đối với việc xây dựng bộ hồ sơ, video hướng dẫn mẫu: Các bộ phận chuyên môn làm việc tại Bộ phận một cửa tiếp tục nghiên cứu, đề xuất, triển khai thực hiện nghiêm túc, tích cực chỉ đạo của UBND xã về việc hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính bằng bộ hồ sơ mẫu ngay từ đầu năm, qua đó góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong việc tra cứu, tìm hiểu, thực hiện TTHC trên địa bàn xã. Thực hiện hướng dẫn bằng video mẫu, địa chỉ truy cập: <http://baocuong.dinhhoa.thainguyen.gov.vn/tiep-nhan-va-tra-ket-qua>

Công khai số điện thoại, đường dây nóng & địa chỉ hộp thư điện tử của cán bộ, công chức làm việc tại bộ phận một cửa trên Trang thông tin điện tử của xã tại Thông báo số 03/TB-UBND ngày 02/01/2024 của UBND xã. Công khai địa chỉ cơ quan tiếp nhận phản ánh, kiến nghị trên Cổng dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/guipakn>, cơ quan Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên, địa chỉ liên hệ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, số điện thoại chuyên dùng: 02083.854636; số fax: 02083.855385. Địa chỉ thư điện tử: [kstthc.ubnd@thainguyen.gov.vn](mailto:kstthc.ubnd@thainguyen.gov.vn). Hướng dẫn cá nhân, tổ chức thực hiện phản ánh, kiến nghị theo quy định hành chính. Trong kỳ báo cáo, UBND xã không

nhận được tiếp nhận phản ánh, kiến nghị nào về quy định hành chính và hành vi hành chính.

Tiếp tục bố trí cán bộ, công chức làm nhiệm vụ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của xã. Ngày 05/01/2024, UBND xã kiện toàn lại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Quyết định số 09/QĐ-UBND và ban hành Quyết định số 10/QĐ-UBND về phê duyệt danh sách cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND xã Bảo Cường.

Tổ chức thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết hồ sơ TTHC phục vụ tổ chức, cá nhân theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại đơn vị theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP. Kết quả: Trong quý I năm 2024, trên địa bàn xã có 526 (26 hồ sơ liên thông, 500 hồ sơ thuộc thẩm quyền) yêu cầu giải quyết về thủ tục hành chính. Trong đó<sup>2</sup>:

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy**

- Tình hình thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở xã: UBND xã đã thực hiện đảm bảo, đúng theo quy định. Trong kỳ báo cáo, UBND xã đã đề nghị nâng lương trước thời hạn cho 02 cán bộ, công chức; đề nghị nâng bậc lương thường xuyên 01 cán bộ. Trong tháng 01 năm 2024, thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với 02 vị trí công chức (tài chính - kế toán và địa chính - xây dựng), điều động 01 công chức đối với chức danh văn phòng - thống kê theo Quyết định của UBND huyện Định Hóa.

- Thực hiện sắp xếp, bố trí cán bộ không chuyên trách ở xã, ở xóm, theo quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố; Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Thái Nguyên quy định chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở xóm, tổ dân phố; số lượng, mức phụ cấp, mức hỗ trợ, mức chi bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của UBND huyện Định Hóa phê duyệt số lượng, chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở xóm, tổ dân phố trên địa bàn huyện Định Hóa hưởng phụ cấp theo Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Thái Nguyên. Tại thời điểm báo cáo, tổng số người hoạt động không chuyên trách, cấp xã là 16 chức danh (Trong đó, người hoạt không chuyên trách là 12 chức danh gồm: Văn phòng Đảng uỷ, Phó Chủ tịch Uỷ ban MTTQ, Phó Chủ tịch Hội nông dân, Phó

<sup>2</sup> Số hồ sơ mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc qua DV bưu chính) là: 0 hồ sơ; Số hồ sơ từ kỳ trước chuyển qua là: 02 hồ sơ; Số mới tiếp nhận trực tuyến: 524 hồ sơ. Số hồ sơ đã giải quyết là: 519 hồ sơ, trong đó: Số hồ sơ giải quyết trước hạn là: 458 hồ sơ; Số hồ sơ giải quyết đúng hạn là: 61 hồ sơ; Số hồ sơ giải quyết quá hạn là: 0 hồ sơ. Số hồ sơ đang giải quyết là: 07 hồ sơ, chưa tới hạn giải quyết.

Chủ tịch Hội Phụ nữ, Phó Bí thư Đoàn thanh niên, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Phó Chỉ huy trưởng BCH Quân sự xã, Lao động - Bảo vệ trẻ em, Truyền thanh - Văn hóa - Thể thao, Nhân viên thú y; Chủ tịch Hội Người cao tuổi, Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ. Hội đặc thù 04 chức danh gồm: Chủ tịch Hội Đông y, Chủ tịch Hội Khuyến học, Chủ tịch Hội Cựu TNXP, Chủ tịch Hội Nạn nhân chất độc da cam); số người hoạt động không chuyên trách cấp xóm có 24 người/08 xóm gồm các chức danh: Bí thư Chi bộ, Trưởng xóm, Trưởng ban CTMT.

- Thực hiện Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 10/01/2024 của UBND huyện Định Hóa về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn huyện Định Hóa, giai đoạn 2023-2025. Ngày 02/3/2024, địa phương đã tổ chức lấy ý kiến cử tri để thông qua đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2023-2025, cụ thể sáp nhập toàn bộ xã Bảo Cường vào thị trấn Chợ Chu. Kế hoạch thực hiện đạt kết quả cao, 3.326/3440 cử tri đồng ý, đạt tỷ lệ 99,58%.

- Các giải pháp, biện pháp nâng cao mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước: Không có.

#### **4. Cải cách chế độ công vụ**

- Số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại thời điểm báo cáo: Biên chế hiện nay được cấp có thẩm quyền giao là 20 cán bộ, công chức, hiện nay xã Bảo Cường có 10 cán bộ (trong đó có 01 người kiêm nhiệm là Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch HĐND xã) và 08 công chức. Việc sử dụng và yêu cầu biên chế thực tế đảm bảo đủ 100%.

- Về trình độ chuyên môn, năng lực của CBCCC:

+ Đối với cán bộ: hiện nay 09/10 cán bộ có trình độ chuyên môn đại học, đạt 90%, 01 cán bộ có trình độ trung cấp. 10/10 cán bộ có trình độ lý luận chính trị trung cấp, quản lý nhà nước có 9/10 cán bộ.

+ Đối với công chức: Hiện nay 7/8 công chức có trình độ chuyên môn đại học đạt 87,5%; 01 công chức có trình độ trung cấp, chiếm 12,5%; năng lực của công chức xã đáp ứng được yêu cầu công tác. Có 7/8 công chức có trình độ lý luận chính trị và quản lý nhà nước.

- Thực hiện sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức cấp xã: Hiện tại, UBND xã thực hiện phân công nhiệm vụ theo chức danh được quy định tại Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019; Nghị định số 69/NĐ-CP, ngày 24/6/2020 của Chính phủ bổ sung sửa đổi một số điều Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ Quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân; Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ Thông tư Hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và Nghị định số 33/2023/NĐ-CP, Nghị định Quy định

về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

- Kết quả thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: Công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCC: UBND xã luôn tạo điều kiện cho cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng do các cơ quan cấp trên tổ chức, nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực quản lý, kỹ năng điều hành và thực thi công vụ. Từ đầu năm đến nay, đã có trên 10 lượt cán bộ, công chức tham gia các lớp tập huấn do huyện, tỉnh tổ chức

- Việc thực hiện các quy định về điều kiện, tiêu chuẩn chức danh: 100% cán bộ của xã gồm các chức danh: Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND đạt chuẩn quy định; 87,5% công chức đạt chuẩn quy định.

- Về ban hành Quy chế làm việc nhiệm kỳ 2021-2026 của HĐND, UBND xã: HĐND xã đã ban hành Nghị quyết số 13/NQ-UBND ngày 30/7/2021 Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân xã Bảo Cường khóa XX, nhiệm kỳ 2021-2026. UBND xã đã ban hành Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 22/7/2021 về việc ban hành quy chế làm việc của UBND xã nhiệm kỳ 2021-2026.

### **5. Cải cách tài chính công**

- Việc thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ.

- Việc quản lý và điều hành ngân sách tiếp tục được đổi mới. UBND xã tiếp tục thực hiện quản lý và sử dụng kinh phí theo quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. Ngay từ đầu năm, UBND xã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024 tại Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 24/01/2024. Thực hiện công khai dự toán ngân sách nhà nước tại Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 và phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước tại Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 22/01/2024...

### **6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số**

Quý I năm 2024, UBND xã tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình hành động số 07-CTr/ĐU ngày 23/7/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ xã Bảo Cường về thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 31/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 của xã Bảo Cường. UBND xã ban hành Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 12/8/2021 về thực hiện Chương trình Chuyển đổi số xã Bảo Cường giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Năm 2022, UBND xã phân công công chức văn hóa - xã hội phụ trách về chuyển đổi số tại Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 04/01/2022.

Ngày 05/01/2024, UBND xã ban hành Quyết định số 12/QĐ-UBND về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an ninh mạng xã Bảo

Cường, giai đoạn 2021-2025 và ban hành Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 02/02/2024 về chuyển đổi số xã Bảo Cường năm 2024.

Việc tạo lập hồ sơ công việc điện tử, giao nộp tài liệu hồ sơ lưu trữ điện tử: Về ứng dụng quản lý văn bản và điều hành được duy trì và thực hiện tốt, tỷ lệ văn bản điện tử thực hiện trao đổi qua môi trường mạng đạt 100%, UBND xã chỉ đạo cán bộ, công chức thực hiện lưu trữ tài liệu điện tử trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

Trang thiết bị: 100% cán bộ, công chức cơ quan có máy tính để thực hiện nhiệm vụ; tại bộ phận một cửa trang bị 02 máy scan, 04 máy tính để bàn, 06 máy in, 01 máy photocopy... cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Hệ thống camera giám sát được kết nối với cơ quan UBND huyện Định Hóa.

Quý I năm 2024, UBND xã tiếp nhận 524 hồ sơ trực tuyến, đã giải quyết 524 hồ sơ, đạt 100%. Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận trực tuyến đạt 100%.

*(Có phụ lục kết quả công tác CCHC quý I kèm theo)*

### **III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN**

**1. Tình hình khiếu nại, tố cáo:** Không có

**2. Kết quả công tác tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo**

2.1. Công tác tiếp công dân *(Biểu số 01/TCD, 02/TCD đính kèm)*

a) Kết quả tiếp công dân<sup>3</sup>:

b) Phân loại đơn, vụ việc qua tiếp công dân<sup>4</sup>:

Quý I năm 2024, UBND xã ban hành Kế hoạch tiếp công dân, phân loại xử lý đơn năm 2024, thực hiện tiếp công dân theo lịch; tiếp tục duy trì thực hiện tốt nội quy, quy chế tiếp công dân thường xuyên đúng quy định pháp luật; ban hành lịch tiếp công dân, niêm yết tại trụ sở UBND và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của xã.

2.2. Tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn<sup>5</sup>: *(Biểu 01/XLD, 02/XLD, 03/XLD, 04/XLD đính kèm)*

2.3. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, KNPA thuộc thẩm quyền

a) Kết quả giải quyết khiếu nại: Không có *(Biểu số 01/KQGQ, 02/KQGQ)*

b) Kết quả giải quyết tố cáo: Không có *(Biểu số 03/KQGQ, 04/KQGQ)*

c) Kết quả giải quyết kiến nghị, phản ánh: Không có *(Biểu số 04/XLD)*

2.4. Bảo vệ người tố cáo (nếu có): Không có

<sup>3</sup> Kết quả thực hiện Quý I, năm 2024 như sau: Tổng số lượt tiếp: 01 lượt. Tổng số người được tiếp: 01 người. Số vụ việc: Tiếp lần đầu: 01 việc. Tiếp nhiều lần: 0 việc. Số đoàn đông người được tiếp: 0. Tiếp công dân của Chủ tịch UBND xã: 0

<sup>4</sup> Phân loại theo nội dung (tổng số đơn, số vụ việc): Khiếu nại: 0. Tố cáo: 0. Phản ánh, kiến nghị: 0. Phân loại theo thẩm quyền giải quyết: Thuộc thẩm quyền: 0. Không thuộc thẩm quyền: 0.

<sup>5</sup> a) Tổng số đơn: Tiếp nhận trong kỳ 0 đơn. Số đơn đã xử lý: 0; Số đơn đủ điều kiện xử lý: 0.

b) Phân loại, xử lý đơn: Phân loại theo nội dung: Số đơn, số vụ việc khiếu nại: 0; Số đơn, số vụ việc tố cáo: 0; Số đơn, số vụ việc kiến nghị, phản ánh: 0; Phân loại theo tình trạng giải quyết: Số đơn, số vụ việc đã giải quyết: 0; Số đơn, số vụ việc đang giải quyết: 0; Số đơn, số vụ việc chưa giải quyết: 0.

c) Kết quả xử lý đơn: Số đơn, số vụ việc thuộc thẩm quyền: 0; Số đơn, số vụ việc không thuộc thẩm quyền: 0.

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Những mặt tích cực**

- Ngay từ đầu năm, bộ phận tham mưu về công tác cải cách hành chính đã chủ động tham mưu xây dựng Kế hoạch công tác CCHC năm 2024; nhận được sự quan tâm lãnh, chỉ đạo của UBND huyện cũng như công tác phối hợp giữa các ban, ngành về công tác cải cách hành chính; ý thức trách nhiệm và sự nỗ lực phấn đấu của cán bộ, công chức làm công tác CCHC.

- Công tác cải cách hành chính đã được Ủy ban nhân dân xã thường xuyên quan tâm, chỉ đạo và xác định đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công tác lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Công tác chỉ đạo được quan tâm sát sao, việc theo dõi, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch được bám sát, thực hiện một cách hiệu quả, bám sát tiến độ. Nhu cầu cải cách, đổi mới của chính đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đã góp phần tạo động lực thúc đẩy việc triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính của địa phương đạt được những kết quả nhất định.

- Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc; không có đơn thư kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, không có các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người phát sinh trong kỳ báo cáo.

### **2. Tồn tại hạn chế và nguyên nhân**

- Vẫn còn tình trạng công chức chưa chấp hành tốt kỷ luật, kỷ cương hành chính, không bám sát nhiệm vụ được giao; 01 cán bộ, công chức chưa thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch.

- Trang thiết bị làm việc tại bộ phận một cửa đã được đầu tư, nhưng chưa đầy đủ, có 04 công chức trực thường xuyên tại bộ phận một cửa nhưng chỉ có 02 máy scan; ngoài ra, còn thiếu máy lấy số tự động, thiết bị đánh giá hài lòng, đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính...

- Công chức làm công tác tiếp công dân cấp xã kiêm nhiệm nhiều công việc, không có đủ thời gian thực hiện nhiệm vụ; chưa có chế độ ưu đãi chi trả cho cán bộ, công chức làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn cấp cơ sở.

## **III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ II NĂM 2024**

1. Tiếp tục thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch công tác cải cách hành chính năm 2024;

2. Thực hiện tốt các văn bản đã ban hành và theo chỉ đạo, điều hành của Đảng ủy, HĐND và phối hợp chặt chẽ cùng các ban, ngành, đoàn thể trong hoạt động CCHC tại địa phương.

3. Thực hiện tự kiểm tra tự kiểm tra cải cách hành chính năm 2024 theo kế hoạch đề ra; chuẩn bị tốt các điều kiện để phục vụ cuộc giám sát công tác cải cách hành chính năm 2024 của HĐND xã và các cơ quan cấp trên.



4. Tiếp tục tập trung triển khai các nhiệm vụ xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số theo quy định; thực hiện tốt lưu trữ tài liệu điện tử theo kế hoạch, đảm bảo 100% cán bộ, công chức lập hồ sơ lưu trữ tài liệu điện tử.

5. Tiếp tục tham mưu bố trí kinh phí, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho hoạt động cải cách hành chính, đặc biệt là Bộ phận Một cửa.

6. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành; tăng cường xử lý hồ sơ, công việc trên môi trường điện tử, khai thác dịch vụ công; tăng cường xử lý hồ sơ TTHC trên hệ thống thông tin một cửa điện tử. Tiếp tục duy trì hoạt động quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2015.

7. Duy trì thực hiện nghiêm túc việc công khai, niêm yết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã tại Bộ phận một cửa và trên trang thông tin điện tử theo đúng quy định của pháp luật.

8. Đẩy mạnh số hóa hồ sơ kết quả giải quyết TTHC.

9. Cấp ủy, chính quyền tiếp tục quan tâm, chỉ đạo, quán triệt, triển khai thực hiện các văn bản về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn xã;

10. Tăng cường công tác tiếp dân, tiếp thu phản ánh, kiến nghị của người dân, hướng dẫn, giải thích cho người dân về các quy định của pháp luật có liên quan để thực hiện đúng pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

11. Làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kết hợp tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm nhiệm vụ tiếp công dân...;

#### **IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

Đề nghị cấp trên xem xét, quyết định chi bồi dưỡng cán bộ, công chức làm việc tại bộ phận một cửa, công chức phụ trách công tác TCD, phân loại, xử lý đơn của đơn vị.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác CCHC quý I, công tác tiếp công dân, phân loại xử lý đơn quý I, năm 2024 của UBND xã Bảo Cường./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT Đảng ủy;
- TT HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- TT UB MTTQ xã;
- Các cán bộ, công chức xã;
- Bộ phận một cửa xã;
- Lưu VP, CCHC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phan Thanh Nam**

**PHỤ LỤC**  
**Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý I năm 2024**

STT	Các chỉ tiêu (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC</b>			
1.1.	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch CCHC năm (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	12,5	
Trong đó	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	8	
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	1	
1.2.	Kiểm tra CCHC			
1.2.1.	Tỷ lệ phòng chuyên môn, đơn vị thuộc, trực thuộc UBND cấp huyện đã kiểm tra (tính lũy kế từ đầu năm)	%		
1.2.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kiểm tra (tính lũy kế từ đầu năm)	%		
1.2.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra (tính lũy kế từ đầu năm)	%		
Trong đó	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ Chủ tịch UBND huyện, UBND huyện giao			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1		
<b>2.</b>	<b>Cải cách thể chế</b>			
2.1.	Số VBQPPL do HĐND, UBND cấp huyện đã ban hành (cấp xã)	Văn bản		

2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện	-	-	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản		
2.4.	Tỷ lệ xử lý văn bản sau kiểm tra, rà soát	%		
Trong đó	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản		
	Số VBQPPL đã được xử lý xong	Văn bản		
<b>3.</b>	<b>Cải cách thủ tục hành chính</b>			
3.1.	Thống kê TTHC			
3.1.1.	Số TTHC công bố mới thuộc thẩm quyền	Thủ tục		
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục		
Trong đó	Số TTHC cấp huyện	Thủ tục		
	Số TTHC cấp xã	Thủ tục	116	
3.2.	Vận hành Cổng dịch vụ công (DVC)			
3.2.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%		
Trong đó	Tổng số TTHC đủ điều kiện	Thủ tục		
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục		
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục		
3.2.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%		
Trong đó	Tổng số TTHC đủ điều kiện	Thủ tục		
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục		
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục		
3.2.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%		
Trong đó	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4	Thủ tục		
	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai	Thủ tục		
3.2.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	100	
Trong đó	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	524	
	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	524	

3.2.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%		
Trong đó	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính	Thủ tục		
	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	Thủ tục		
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
3.3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
3.3.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục		
3.3.4.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%		
3.3.5.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%		
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
Trong đó	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.4.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
Trong đó	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	530	
	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	530	
<b>4.</b>	<b>Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước</b>			
4.1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
4.1.5.	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện đã cắt giảm so với năm 2015	%		
Trong đó	Tổng số đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện	Đơn vị		
	Số đơn vị sự nghiệp tại thời điểm báo cáo	Đơn vị		
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	19	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	18	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người		
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		

4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người		
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người		
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		
<b>5.</b>	<b>Cải cách chế độ công vụ</b>			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên	Người		
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
5.3.	Số lượng lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc UBND cấp huyện được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển.	Người		
5.4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).	Người		
Trong đó	Số lãnh đạo UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người		
	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các ĐVSN bị kỷ luật.	Người		
<b>6.</b>	<b>Cải cách tài chính công</b>			
6.1.	Tỷ lệ thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%		
Trong đó	Kế hoạch được giao	Triệu đồng		
	Đã thực hiện	Triệu đồng		
<b>6.2</b>	<b>Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) (lũy kế đến thời điểm báo cáo)</b>			

6.2.1	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị		
6.2.2	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
6.2.3	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.4	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
Trong đó	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
6.2.5	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.6	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần ( <i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i> )	Đơn vị		
<b>7.</b>	<b>Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số</b>			
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1		
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2		
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP)	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.5.1.	Tỷ lệ thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp huyện đến cấp xã	%	100	
7.5.2.	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn dưới dạng điện tử	Văn bản	1.114	Trong đó có 348 văn bản đi

Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)	%	100	
	Tỷ lệ văn bản được gửi dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	100	
7.6.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.6.1.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.6.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		







**TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN**  
Số liệu tính từ ngày 15/12/2023 đến ngày 15/3/2024

Đơn vị	Tổng số đơn	Kỳ trước chuyển sang			Tiếp nhận trong kỳ			Số đơn đã xử lý	Đủ điều kiện xử lý		Phân loại đơn theo nội dung			phân loại đơn theo tình trạng giải quyết				Kết quả xử lý đơn								Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác		Số đơn	Số vụ việc	Khiếu nại	Tố cáo	Kiến nghị, phản ánh	Đã giải quyết		Đang giải quyết	Chưa giải quyết	Đơn thuộc thẩm quyền				Đơn không thuộc thẩm quyền				
														Lần đầu	Nhiều lần			Tổng số	Khiếu nại	Tố cáo	Kiến nghị, phản ánh	Tổng số	Hướng dẫn	Chuyển đơn	Đơn đốc giải quyết	
MS	$1=2+3+\dots+7$	2	3	4	5	6	7	8	$9=11+12+13=14+15+16+17=18+22$	10	11	12	13	14	15	16	17	$18=19+20+21$	19	20	21	$22=23+24+25$	23	24	25	26
Bảo Cường	4	0	0	0	0	4	0	4	4	4	0	0	4	4	0	0	0	4	0	0	4	0	0	0	0	0
<b>Tổng</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	















